UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /TB-TTPTQĐ

Điện Biên, ngày 26 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/01/2016;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính Quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1139/QĐ-UBND, ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Điện Biên; Căn cứ Quyết định số 1366/QĐ-UBND, ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Giao đất cho UBND huyện Điện Biên để thực hiện công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 2491/QĐ-UBND, ngày 28/8/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất khu đất tại thôn 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên; Căn cứ Quyết định số 2605/QĐ-UBND, ngày 12/9/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc đấu giá quyền sử

dụng đất khu đất tại thôn 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên thuộc Mảnh trích đo số 87 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất thuộc Mảnh trích đo địa chính số 87 năm 2023 khu đất tại thôn 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Đơn vị: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên
- Địa chỉ: Trung tâm Pú Tửu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
- Điện Thoại: 0215 3820 111
- Đại diện: ông Trần Xuân Hoàn; Chức vụ: Phó Giám đốc

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

STT	Thửa số - MTĐ 87 năm 2023	Loại đất	Loại đường	Diện tích (m^2)	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Giá khởi điểm đấu giá QSDĐ (đồng)
1	2	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	97,5	3.550.000	346.125.000
2	9	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
3	10	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
4	11	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
5	15	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
6	16	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
7	17	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	93,4	3.550.000	331.570.000
8	18	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
9	19	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
10	20	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
11	21	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000

12	22	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
13	23	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
14	24	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
15	25	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
16	26	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
17	27	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
18	28	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
19	30	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
20	31	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
21	34	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	124,7	3.550.000	442.685.000
22	36	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
23	38	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
24	39	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
25	40	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
26	41	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
27	42	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
28	43	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
29	46	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000

30	49	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 11,5m	105,0	3.550.000	372.750.000
31	47	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	114,2	3.660.000	417.972.000
32	48	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	111,0	3.660.000	406.260.000
33	52	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
34	53	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
35	54	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
36	55	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
37	56	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
38	57	ONT	Tiếp giáp 01 mặt đường nhựa 9,5m	105,0	3.660.000	384.300.000
39	1	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	92,8	3.727.500	345.912.000
40	12	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	159,9	3.727.500	596.027.250
41	13	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	145,1	3.727.500	540.860.250
42	14	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	82,1	3.727.500	306.027.750
43	32	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	134,3	3.727.500	500.603.250
44	35	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	108,7	3.727.500	405.179.250
45	44	ONT	02 mặt đường nhựa 11,5m và 11,5m	106,4	3.727.500	396.606.000
46	45	ONT	02 mặt đường nhựa 9,5m và 11,5m	109,4	3.843.000	420.424.200
47	50	ONT	02 mặt đường nhựa 9,5m và 11,5m	130,0	3.843.000	499.590.000

48	51	ONT	02 mặt đường nhựa 9,5m và 11,5m	134,2	3.843.000	515.730.600
	Tổng cộng			**5.208,7**		**18.841.622.550**

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với tài sản trên.

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

- Mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá hợp lý.

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

- Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

(Có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo)

4. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký thực hiện tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời gian: trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày thông báo *(nộp trong giờ hành chính)*

- Địa chỉ nộp hồ sơ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên (Địa chỉ: Trung tâm Pú Tửu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên)

- Hình thức nộ hồ sơ: Nộp trực tiếp *(không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)*. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Căn cước công dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên lựa chọn.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Biên thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND huyện (B/c);
- Trang thông tin điện tử của huyện;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, TTPTQĐ.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN H. ĐIỆN BIÊN T. ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. ĐIỆN BIÊN

Trần Xuân Hoàn

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TTPTQĐ ngày .../..../2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Điện Biên)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**23,0**
1	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***11,0***
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5,0*
2	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	***8,0***
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4,0*
3	***Có trang thông tin điện tử đang hoạt động***	***2,0***
4	***Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến***	***1,0***
5	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
II	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**22,0**
1	***Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan***	**4,0**
2	***Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	**4,0**
3	***Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá***	***4,0***
4	***Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá***	***4,0***
5	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá***	***3,0***

6	***Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá***	***3,0***
III	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản**	**45,0**
1	***Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5***	***6,0***
1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2,0*
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3,0*
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4,0*
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5,0*
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6,0*
2	***Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5***	***18,0***
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10,0*
2.2	*Từ 20%) đến dưới 40%*	*12,0*
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14,0*
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16,0*
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18,0*
3	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3***	***5,0***
3.1	*Dưới 03 năm*	*3,0*
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4,0*

3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5,0*
4	***So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3***	***3,0***
4.1	*01 đấu giá viên*	*1,0*
4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2,0*
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3,0*
5	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3***	***4,0***
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2,0*
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4,0*
6	***Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4***	***5,0***
6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2,0*
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3,0*
6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4,0*
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5,0*
7	***Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2***	***3,0***
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2,0*
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3,0*
8	***Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn***	***1,0***
IV	**Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3***	**5,0**
1	*Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính*	*3,0*

2	*Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)*	*4,0*
3	*Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)*	*5,0*
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định**	**5,0**
1	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
2	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*5,0*
Tổng số điểm		**100**
VI	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	***Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Đủ điều kiện***
2	***Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Không đủ điều kiện***